

Số: **2237/GDĐT-KTKĐCLGD** *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2018*

V/v một số quy định về tuyển
sinh lớp 10 trung học phổ thông
năm học 2018 - 2019.

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kế hoạch tiếp nhận học sinh trúng tuyển 10 trung học phổ thông năm học 2018 - 2019 như sau:

I. NGÀY CÔNG BỐ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

Ngày công bố tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018 - 2019 trên toàn thành phố là ngày 04 tháng 7 năm 2018.

Bảng điểm chuẩn của các trường trung học phổ thông được thông tin trên các kênh thông tin báo đài, Website www.hcm.edu.vn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Phụ huynh học sinh, học sinh đối chiếu với phiếu báo điểm kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông khoá ngày 02 tháng 6 năm 2018 sẽ biết được con em mình trúng tuyển vào trường nào.

II. HỒ SƠ NHẬP HỌC

- Thời gian để học sinh nộp hồ sơ nhập học:

Từ ngày 05 tháng 7 năm 2018 đến 16 giờ 30 ngày 27 tháng 7 năm 2018.

- Hồ sơ nhập học gồm:

1. Đơn xin dự tuyển 10 có ghi 3 nguyện vọng ưu tiên xét vào các trường trung học phổ thông;
2. Phiếu báo điểm tuyển sinh 10 trên đó có ghi 3 nguyện vọng;
3. Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính);
4. Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (bản chính). Học sinh mới công nhận tốt nghiệp nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp (tạm thời) do các cơ sở giáo dục cấp và nộp bản chính văn bằng vào hồ sơ khi được Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp phát bằng;
5. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

6. Giấy xác nhận được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền cấp;

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2018, Hội đồng tuyển sinh của trường họp để sơ kết việc nhận học sinh vào học và gửi báo cáo về Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Sở Giáo dục và Đào tạo.

III. VIỆC THAY ĐỔI NGUYỆN VỌNG

Tuyệt đối không đổi nguyện vọng sau khi công bố kết quả tuyển sinh.

Sở Giáo dục và Đào tạo cũng như các trường trung học phổ thông đều không nhận đơn cũng như không giải quyết việc xin đổi nguyện vọng. Các trường trung học phổ thông chỉ nhận hồ sơ thí sinh có trong sách trúng tuyển vào lớp 10 của đơn vị mình.

IV. LẬP DANH SÁCH TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

1. Chương trình cập nhật danh sách học sinh trúng tuyển sinh 10

Thực hiện chương trình cập nhật danh sách học sinh tuyển sinh 10 thống nhất toàn thành phố.

Khi học sinh nộp hồ sơ thì đánh dấu vào ô nộp hồ sơ trong chương trình trước khi in danh sách nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. In danh sách trúng tuyển

- Thông tin cần nhập:

Năm học: 2018 - 2019

Họ tên Người lập bảng: Nhập Họ tên Người lập bảng.

Họ tên Hiệu trưởng: Nhập Họ tên Hiệu trưởng.

Họ tên Phó Giám đốc: Nguyễn Văn Hiếu.

- In laser trên giấy A4 (Top = 0.5"; Bottom = 0.5"; Left = 0.8"; Right = 0.5").

(Lưu ý chừa lề trái khoảng 3cm để đóng tập)

- Trang bìa: theo mẫu có trong chương trình phần nhập thông tin in báo cáo.

- Số lượng các bản in: 02 tập, tất cả các danh sách nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo phải in trên giấy A4, in ngang và đóng thành tập, có ghi rõ tên trường, năm học.

3. Thời gian nộp danh sách, nộp đĩa và duyệt danh sách

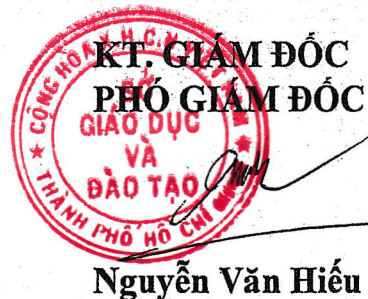
Các trường nộp danh sách về Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng lịch như sau:

STT	NGÀY NỘP	CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THUỘC QUẬN, HUYỆN
1	30.7.2018	Quận 1, Quận 2, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 6
2	31.7.2018	Quận 7, Quận 8, Quận 9, Quận 10, Quận 11, Quận 12
3	01.8.2018	Bình Thạnh, Phú Nhuận, Nhà Bè, Tân Bình, Tân Phú, Gò Vấp
4	02.8.2018	Thủ Đức, Bình Tân, Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Cần Giờ

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở GDĐT;
- Các Phòng, ban Sở GDĐT;
- Lưu: VP, KTKĐCLGD.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
GIÁO DỤC
VÀ
ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Nguyễn Văn Hiếu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2018

ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Năm học 2018 - 2019

STT	MÃ TRƯỜNG	TÊN TRƯỜNG	QUẬN	ĐIỂM NV1	ĐIỂM NV2	ĐIỂM NV3
1	01FA01	THPT Trưng Vương	01	34.75	35.75	36.75
2	01FA02	THPT Bùi Thị Xuân	01	36.75	37.5	38.5
3	01FB01	THPT Ten Lơ Man	01	29.25	30.25	31
4	01HA04	THPT Năng Khiếu TDTT	01	22.25	22.25	23
5	01HB05	THPT Lương Thế Vinh	01	34.25	35	35.5
6	*02FA01	THPT Giồng Ông Tố	02	27	27.25	28.25
7	02HA01	THPT Thủ Thiêm	02	22.5	23	23.75
8	03FA01	THPT Lê Quý Đôn	03	36.25	37.25	38.25
9	03FA02	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	03	38	39	39.5
10	03FA03	THPT Lê Thị Hồng Gấm	03	24.75	25	25.25
11	03FB02	THPT Marie Curie	03	33	33.5	33.75
12	03HB12	THPT Nguyễn Thị Diệu	03	28.25	28.5	29
13	04FA01	THPT Nguyễn Trãi	04	22.75	23	23.5
14	04HA01	THPT Nguyễn Hữu Thọ	04	25	25.5	26
15	05EA02	Trung học thực hành Sài Gòn	05	32	32	33
16	05FA02	THPT Hùng Vương	05	30	30.25	31.25
17	05FA04	Trung học Thực hành - ĐHSP	05	39.5	40	40.5
18	05FB01	THPT Trần Khai Nguyên	05	32	33	34
19	05HB01	THPT Trần Hữu Trang	05	22.75	23.25	23.75
20	06FA01	THPT Mạc Đĩnh Chi	06	36.75	36.75	37.25
21	06FA02	THPT Bình Phú	06	33	33.25	34
22	06FA03	THPT Nguyễn Tất Thành	06	28	28.5	28.5
23	06FA04	THPT Phạm Phú Thứ	06	24.75	24.75	25.75
24	07FA01	THPT Lê Thánh Tôn	07	26.25	26.5	27
25	07FA02	THPT Tân Phong	07	20.5	21.5	22.5
26	07HA01	THPT Ngô Quyền	07	30.75	31.75	32.75
27	07HB01	THPT Nam Sài Gòn	07	32	32	33
28	08FA01	THPT Lương Văn Can	08	22.75	23	24
29	08FA02	THPT Ngô Gia Tự	08	21.25	21.25	22
30	08FA03	THPT Tạ Quang Bửu	08	23	24	24
31	08FA04	THPT Nguyễn Văn Linh	08	17.75	18.75	19.5
32	08FA05	THPT Võ Văn Kiệt	08	26.75	27.25	28
33	08HA01	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	08	21.5	22.25	22.5
34	09FA01	THPT Nguyễn Huệ	09	26	26.5	27.5
35	09FA02	THPT Phước Long	09	25.5	26	27
36	09FA03	THPT Long Trường	09	21	21.25	21.25
37	09FA04	THPT Nguyễn Văn Tăng	09	19.25	19.5	20.25
38	10FA01	THPT Nguyễn Khuyến	10	32.75	33	34
39	10FA02	THPT Nguyễn Du	10	32	32.25	33.25
40	10FB01	THPT Nguyễn An Ninh	10	24.75	25	26
41	10HB01	THCS-THPT Diên Hồng	10	23.5	24.5	24.5
42	10HB43	THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	10	23	23.5	24.5
43	11FA01	THPT Nguyễn Hiền	11	29	29.75	30.75
44	11FA02	THPT Trần Quang Khải	11	24.75	25.5	26.25

STT	MÃ TRƯỜNG	TÊN TRƯỜNG	QUẬN	ĐIỂM NV1	ĐIỂM NV2	ĐIỂM NV3
45	11FB01	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11	24.25	24.75	25.25
46	12FA01	THPT Võ Trường Toản	12	32.75	33.75	34
47	12FA02	THPT Trường Chinh	12	29.75	30	30
48	12HA01	THPT Thanh Lộc	12	25.75	26.5	27
49	13FA01	THPT Thanh Đa	Bình Thạnh	25.5	25.5	25.75
50	13FA02	THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	33.25	33.75	34
51	13FA03	THPT Gia Định	Bình Thạnh	38.75	39.75	40
52	13FA04	THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	26.25	27	28
53	13FA05	THPT Trần Văn Giàu	Bình Thạnh	25.5	26	26.5
54	13FB01	THPT Hoàng Hoa Thám	Bình Thạnh	30.25	30.75	31.5
55	14FA01	THPT Gò Vấp	Gò Vấp	29.75	30.25	31
56	14FA02	THPT Nguyễn Công Trứ	Gò Vấp	37	37.5	37.5
57	14FA03	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	33.75	34.75	35.25
58	14FB03	THPT Nguyễn Trung Trực	Gò Vấp	28	29	29.5
59	15FA01	THPT Phú Nhuận	Phú Nhuận	36.75	37.75	38
60	15FB02	THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	25.25	25.75	26.25
61	16FA01	THPT Tân Bình	Tân Phú	33	33.5	34
62	16FA18	THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	33.75	34.75	35.5
63	16FA19	THPT Trần Phú	Tân Phú	38.25	38.25	39
64	16FA20	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	41	42	43
65	16FB21	THPT Nguyễn Thái Bình	Tân Bình	29.25	29.75	30.5
66	17FA01	THPT Nguyễn Hữu Huân	Thủ Đức	37.25	38.25	38.25
67	17FA02	THPT Thủ Đức	Thủ Đức	33	33	34
68	17FA03	THPT Tam Phú	Thủ Đức	28.25	28.5	29.5
69	17FA04	THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	23.25	23.75	24.5
70	17FA05	THPT Đào Sơn Tây	Thủ Đức	21.5	22.25	22.25
71	17FA06	THPT Linh Trung	Thủ Đức	22.25	22.75	23
72	18FA01	THPT Bình Chánh	Bình Chánh	20	20.75	20.75
73	18FA04	THPT Tân Túc	Bình Chánh	20.25	20.5	21.25
74	18FA05	THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	22.25	22.5	22.75
75	18FA06	THPT NK TDTT huyện Bình Chánh	Bình Chánh	18	18.5	19
76	18HA02	THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	22.25	22.75	22.75
77	18HA03	THPT Đa Phước	Bình Chánh	16	17	17
78	19FA01	THPT Bình Khánh	Cần Giờ	15	15	15
79	19FA02	THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	16.5	17	18
80	19FA03	THPT An Nghĩa	Cần Giờ	15	15	15
81	20FA01	THPT Củ Chi	Củ Chi	22	23	24
82	20FA02	THPT Quang Trung	Củ Chi	18.5	18.75	19.25
83	20FA03	THPT An Nhơn Tây	Củ Chi	17	17.25	18
84	20FA04	THPT Trung Phú	Củ Chi	22.5	23.25	23.5
85	20FA05	THPT Trung Lập	Củ Chi	16.25	16.75	17
86	20FA06	THPT Phú Hòa	Củ Chi	18.5	19.5	19.5
87	20FA07	THPT Tân Thông Hội	Củ Chi	19.5	20.25	20.5
88	21FA01	THPT Nguyễn Hữu Cầu	Hóc Môn	33.75	34.75	35.75
89	21FA02	THPT Lý Thường Kiệt	Hóc Môn	30.25	30.5	31
90	21FA03	THPT Bà Điểm	Hóc Môn	29	29	29
91	21FA04	THPT Nguyễn Văn Cừ	Hóc Môn	23.25	24	24.5
92	21FA05	THPT Nguyễn Hữu Tiến	Hóc Môn	27	27.75	28.75
93	21FA06	THPT Phạm Văn Sáng	Hóc Môn	25.25	26.25	26.75
94	22FA01	THPT Long Thới	Nhà Bè	18.25	19	19.5
95	22FA02	THPT Phước Kiển	Nhà Bè	18.75	19.25	20
96	22FA03	THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	20	20.5	21
97	23FA01	THPT Tây Thạnh	Tân Phú	33	33	34

STT	MÃ TRƯỜNG	TÊN TRƯỜNG	QUẬN	ĐIỂM NV1	ĐIỂM NV2	ĐIỂM NV3
98	23FA02	THPT Lê Trọng Tấn	Tân Phú	29.5	30	30.5
99	24FA01	THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	25.75	26	27
100	24FA02	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Bình Tân	26.75	27.75	28.75
101	24FA03	THPT Bình Hưng Hòa	Bình Tân	26.75	27.25	28
102	24FA04	THPT Bình Tân	Bình Tân	24	24	25
103	24HA01	THPT An Lạc	Bình Tân	24.5	25.25	25.5



LÊ HỒNG SƠN